

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 8 - 2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiền và bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quỳnh Loan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2022/TLST – HNGĐ ngày 18/4/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 28/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Đặng Thị H, sinh năm: xxxx; Nơi cư trú: tổ B, khu N, phường S, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: anh Đặng Hồng Đ, sinh năm: xxxx; Nơi đăng ký thường trú: tổ B, khu N, phường S, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: xóm M, thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị H đều trình bày: chị và anh Đặng Hồng Đ kết hôn vào năm 2008 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm, trong thời gian này chị đã mang thai con chung Đặng Thế T được khoảng 03 tháng thì sau đó mới làm thủ tục đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố Cẩm Phả. Sau khi kết hôn về sống cùng với bố mẹ đẻ của chị tại tổ 4, khu N, phường S, thành phố C, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về tính cách lẫn suy nghĩ nên thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau, không khí gia đình lúc nào cũng trong tình trạng mệt mỏi, căng thẳng. Anh Đ đi làm có thu nhập ổn định nhưng không đưa tiền cho chị để chi tiêu cho gia đình và chăm sóc con, sau này chị thấy có người gọi điện đòi nợ mới biết anh Đ

dùng tiền lương phục vụ chi tiêu cho cuộc sống của bản thân mình. Chị đã nói chuyện với anh Đ nhiều lần để mong thay đổi nhưng không có kết quả khiến chị không chịu đựng nổi. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị không quan tâm, không nói chuyện với nhau nữa nên quyết định sống ly thân nhau gần 02 năm nay, anh Đ chuyển đi nơi khác để ở, thỉnh thoảng vẫn về thăm con nhưng chưa bao giờ nói chuyện hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hai bên gia đình cũng hòa giải cho anh chị nhiều lần nhưng không có kết quả, chị thấy nếu tiếp tục chung sống với anh Đ sẽ không có H phúc. Đến nay chị không còn tình cảm dành cho anh Đ, mâu thuẫn vợ chồng chị đã rất căng thẳng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đ để ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: chị và anh Đ có 01 con chung là Đặng Thế Tâm, sinh ngày 30/3/2009, từ khi sống ly thân với anh Đ một mình chị là người chăm sóc cho con chung, chị vẫn đảm bảo sự phát triển tốt nhất, bản thân con chung của anh chị cũng có nguyện vọng được ở cùng với mẹ nên khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị được nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng cho con. Hiện nay chị kinh doanh tự do, thu nhập bình quân khoảng 6 triệu đồng/tháng, cùng với sự giúp đỡ của gia đình ngoại chị cũng đảm bảo được việc nuôi dưỡng con chung phát triển tốt.

+ Về tài sản chung: chị và anh Đ trong thời gian chung sống ở cùng gia đình nhà ngoại, kinh tế khó khăn nên không mua sắm được tài sản gì chung; công nợ chung: không có.

* Tại bản tự khai và đơn xin xử án vắng mặt, bị đơn anh Đặng Hồng Đ trình bày quan điểm như sau: về thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn của vợ chồng anh đúng như chị H đã trình bày ở trên. Cuộc sống chung của anh chị H phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bàn bạc được việc gì đi đến thống nhất dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã. Anh chị cũng nói chuyện với nhau nhiều lần để hiểu nhau hơn, cùng tìm biện pháp hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không có kết quả, từ đó anh chị không muốn bàn bạc bất cứ công việc gì trong gia đình nữa. Mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không được vì vậy anh chị quyết định sống ly thân nhau, không còn quan tâm, yêu thương nhau, chăm sóc đến nhau nữa. Thời gian ly thân anh chị cũng có nói chuyện với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vì cả hai đều xác định nếu tiếp tục chung sống cũng không có H phúc nên anh chị không về chung sống với nhau nữa, anh đã chuyển về địa chỉ xóm M, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định còn chị H vẫn ở thành phố Cẩm Phả với con chung. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh đồng ý và đề nghị Tòa án cho anh chị được thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: anh chị có một con chung là Đặng Thế T, sinh ngày xx/x/xxxx, đúng như chị H đã trình bày ở trên, vì anh không muốn thay đổi môi trường sống, học tập của con chung nên khi ly hôn chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh không phải cấp dưỡng cho con, anh được quyền thăm nom

con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung: không có.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điều 51, 237 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đặng Thị H, chị H được ly hôn với anh Đ. Chị H được nuôi dưỡng con chung, anh Đ không phải cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Đặng Thị H yêu cầu xin ly hôn với anh Đặng Hồng Đ có nơi đăng ký thường trú tại địa bàn thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự .

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ cho anh Đ, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Đ đã có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Đặng Thị H và anh Đặng Hồng Đ là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố C vào năm 2008 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn, anh chị sống cùng gia đình nhà vợ ở tổ 4, khu N, phường S, thành phố Cẩm Phả. Cuộc sống chung của anh chị H phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo cả hai anh chị trình bày là do tính cách không hợp nhau, không bàn bạc được việc gì đi đến thống nhất nên thường cãi vã, xúc phạm nhau dẫn đến cả hai đều thấy chán nản, mệt mỏi, ngoài ra theo lời khai của chị H nguyên nhân mâu thuẫn còn do anh Đ đi làm có thu nhập cũng không đưa cho chị để lo chi phí sinh hoạt gia đình, một mình chị phải lo toan, gánh vác, chị còn thấy nhiều người đến nhà chị đòi tiền

nợ của anh Đ mà không biết chi tiêu vào mục đích gì, chị H cũng đã khuyên can nhưng anh Đ không thay đổi khiến mâu thuẫn của anh chị còn trầm trọng hơn. Cả hai anh chị đều đã cho nhau cơ hội nhưng không đạt kết quả, anh chị đã quyết định sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay, anh Đ chuyển về quê sinh sống, anh chị không tìm biện pháp để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Lời khai của chị H và anh Đ về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn cơ bản phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú và lời khai của con chung của anh chị nên chị H, anh Đ cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn là có cơ sở.

Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh Đ.

+ Về con chung: chị Đặng Thị H và anh Đặng Hồng Đ có 01 con chung là Đặng Thế T, sinh ngày xx/x/xxxx, chị H và anh Đ đều có quan điểm khi ly hôn chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh Đ không phải cấp dưỡng cho con chung. Xét thấy, từ khi ly thân con chung của anh chị đã ở cùng với chị H, hiện chị H kinh doanh tự do có thu nhập trung bình 06 triệu đồng/tháng, cùng với sự giúp đỡ của gia đình nhà ngoại chị cũng đảm bảo được các điều kiện nuôi con mà không gặp khó khăn hoặc trở ngại gì. Con chung của anh chị cũng có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, đại diện khu phố nơi anh chị cư trú cũng có quan điểm “khi ly hôn, tôi đề nghị Tòa án tôn trọng nguyện vọng của con chung, từ khi anh chị ly thân, chị H là người chăm sóc con chung, vẫn đảm bảo điều kiện tốt, chị H có vòng việc ổn định, đảm bảo điều kiện tốt nuôi dưỡng con chung”. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao con chung là Đặng Thế T cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (tròn 18 tuổi). Quá trình giải quyết vụ án chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét; anh Đ được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản và công nợ chung: chị H trình bày anh chị không có tài sản và công nợ chung; anh Đ có quan điểm tự thỏa thuận về tài sản và công nợ chung, do cả hai đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: chị Đặng Thị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Đặng Thị H và anh Đặng Hồng Đ.
 2. Về con chung: giao con chung Đặng Thế T, sinh ngày xx/x/xxxx cho chị Đặng Thị H có quyền, nghĩa vụ, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Đặng Hồng Đ không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Đặng Thị H tự nguyện nộp toàn bộ số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp ngày 18/4/2022 theo biên lai số: 0005100 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho biết: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND phường S;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh

